TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **443**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-6-2019
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Hoàn Xanh

2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 883/2018/HNST ngày 23 tháng 8 năm 2018, về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Diễm X, sinh năm: 1994 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và ngụ tại: Ấp Hòa L, xã H, huyện P, tỉnh A;

- Bị đơn: Ông Lê Tự H, sinh năm: 1974 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và ngụ tại: Số 358/12 đường B, phường P, quận T, Thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là bà Đặng Thị Diễm X trình bày:

Bà và ông Lê Tự H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống bà phát hiện ông H đã lừa dối để hỏi cưới bà trong khi ông H là người đã có gia đình và hiện đang chung sống cùng vợ con tại Thành phố H. Khi phát hiện ông H đã có gia đình, bà không thể chấp nhận và đã nhiều lần yêu cầu ông H chấm dứt quan hệ vợ chồng với bà nhưng ông H không chịu buông tha cho bà mà còn nhiều lần đánh đập, hành hạ, xúc phạm, đe dọa tạt axít, bắt cóc con và còn cho người đến nơi kinh doanh của bà để gây rối, đánh đập bà và còn đến tận nhà bố mẹ ruột của bà để ép buộc bà phải chung sống, không cho bà chấm dứt quan hệ vợ chồng với ông. Từ năm 2016 bà đã không còn chung sống với H cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông H là vợ chồng để ổn định cuộc sống cho cả hai.

Về con chung: Bà X khai nhận bà và ông Lê Tự H có một con chung là Lê Tự T, sinh ngày 11/11/2011. Bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà X khai nhận bà và ông Lê Tự H không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà X khai nhận bà và ông Lê Tự H không có nợ chung.

Toà án nhân dân quận T đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự cho ông Lê Tự H nhưng phía bị đơn không có mặt tại Toà án để giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu trên.

- Bị đơn: Vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận T nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 11, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Đặng Thị Diễm X với ông Lê Tự H. Giao con chung là Lê Tự Thắng,

sinh ngày 11/11/2011 cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H do bà X không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của bà Đặng Thị Diễm X, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Nay bà X yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, ông Lê Tự H có nơi cư trú tại quận T nên Toà án nhân dân quận T thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn: Ngày 17/6/2019, nguyên đơn bà Đặng Thị Diễm X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà X.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Do ông Lê Tự H vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Lê Tự H.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Xét, việc bà Đặng Thị Diễm X và ông Lê Tự H sống chung như vợ chồng từ năm 2010 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…". Tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi… nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng…".

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị Diễm X và ông Lê Tự H chung sống với nhau như vợ chồng và có con chung nhưng không đăng ký kết hôn nên pháp luật không công nhận ông bà là vợ chồng.

[3]. Về quan hệ con chung:

Bà X khai nhận bà và ông Lê Tự H có một con chung là Lê Tự Thắng, sinh ngày 11/11/2011. Khi chấm dứt quan hệ vợ chồng, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi là phải dựa vào quyền lợi của trẻ. Từ trước đến nay, cháu Thắng do bà X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và hiện tại cháu Thắng đang sinh sống, học tập ổn định cùng bà X tại ấp Hòa L, xã H, huyện P, tỉnh A. Từ năm 2016, khi bà X cùng cháu T chuyển về nhà ngoại ở A sống cho đến nay, ông H không thường xuyên về thăm con. Hơn nữa, tại bản tự khai của cháu Thắng ngày 19/10/2018, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, xét thấy việc bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là hoàn toàn phù hợp với lợi ích của cháu và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà X.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà X không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Do đó, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H.

[4]. Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Bà X khai nhận bà và ông Lê Tự H không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà X khai nhận bà và ông Lê Tự H không có nợ chung.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5].Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà X chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào ñieåm c khoaûn 3 Nghò Quyeát 35/2000/QH10 ngaøy 09/6/2000 höôùng daãn thi haønh Luaät Hoân nhaân gia ñình;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Đặng Thị Diễm X đối với ông Lê Tự H:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyeân boá khoâng coâng nhaän bà Đặng Thị Diễm X và ông Lê Tự H laø vôï choàng.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung là Lê Tự T, sinh ngày 11/11/2011 cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H do bà X không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Ông H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản:

+ Về tài sản chung: Bà X khai nhận bà và ông Lê Tự H không có tài sản chung.

+ Về nợ chung: Bà X khai nhận bà và ông Lê Tự H không có nợ chung.

2/ Về án phí:

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Đặng Thị Diễm X chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà X đã nộp theo biên lai thu số 0011660 ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H. Bà X đã nộp đủ án phí.

3/ Quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.T;
- Chi cục THADS Q. T;
- Lưu hồ sơ vụ án (Oanh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tuyết Trinh